UBND TỈNH BẮC GIANG
LIÊN HIỆP CÁC HỘI KH&KT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 156/BC- LHH

Bắc Giang, ngày 17 tháng 5 năm 2011

BÁO CÁO

Kết quả phản biện dự thảo "Kế hoạch tổng thể xúc tiến đầu tư tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2020"

Căn cứ Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 của UBND tỉnh quy định hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh; công văn số 58/UBND - KT ngày 10/01/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao nhiệm vụ tư vấn, phản biện xã hội năm 2011, ngày 17/5/2011 Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh đã tiến hành phản biện dự thảo"Kế hoạch tổng thể xúc tiến đầu tư tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011 – 2012, kết quả như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Kế hoạch

Hội đồng phản biện cơ bản nhất trí cần thiết phải ban hành Kế hoạch nhằm cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội XVII của tỉnh, Chương trình đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp - dịch vụ cũng như Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế -xã hội của tỉnh đến năm 2020..

Kế hoạch được xây dựng tương đối công phu, bài bản và đã đánh giá được kết quả hoạt động đầu tư 5 năm (2005 – 2010), đồng thời phân tích rõ nguyên nhân đạt được cũng như tồn tại cần khắc phục.

II. Đánh giá nội dung Kế hoạch

Mặc dù Kế hoạch được xây dựng khá công phu, nhưng để hoàn thiện hơn, Hội đồng phản biện có một số ý kiến như sau:

1. Nội dung đánh giá kết quả đạt được về thu hút đầu tư giai đoạn 2005 -2010

Kết quả được đánh giá cơ bản đầy đủ, có nhận định, có đánh giá và nêu được những tồn tại, hạn chế. Tuy nhiên Kế hoạch chưa phân tích làm rõ đầu tư vào ngành nào, lĩnh vực nào là có hiệu quả, đồng thời chưa đánh giá nguyên nhân của hạn chế tồn tại nên khó có thể đưa ra được giải pháp thu hút đầu tư hiệu quả giai đoạn tiếp theo. Bên cạnh đó việc đánh giá giai đoạn 2005 - 2010 chủ yếu liệt kê số liệu nên không có tính thuyết phục.

2. Kế hoạch xúc tiến đầu tư giai đoạn 2010 - 2015

*2.1.*Trong kế hoạch chưa phân tích đánh giá sâu tình hình quốc tế hiện nay và trong 5 năm tới liên quan việc thu hút đầu tư, bên cạnh đó việc đánh giá tình hình trong nước chưa đánh giá kỹ cũng như không có số liệu so sánh việc thu hút đầu tư giữa tỉnh ta với một số tỉnh xung quanh, từ đó mới có cơ sở đưa ra lợi thế so sánh thu hút đầu tư. Để có kế hoạch thu hút đầu tư hiệu quả và có tính khả thi thì cần phải có tính dự báo tình hình thế giới và trong nước.

Trong nội dung lợi thế so sánh của tỉnh không nên đưa phần "*điểm yếu*", bởi vì đã là lợi thế thì không có điểm yếu, còn nếu muốn đánh giá điểm yếu thì nên thay bằng mục: *"Thời cơ và thách thức*" trong thu hút đầu tư. Khi phân tích lợi thế so sánh cần tập trung và phân tích làm rõ một số nội dung như:

- Lợi thế về điều kiện tự nhiên
- Lợi thế về điều kiện chính trị- xã hội
- Lợi thế về vị trí địa lý
- Lợi thế về điều kiện hạ tầng

2.2 Nội dung mục tiêu và định hướng

Mục tiêu tổng quát cần viết gọn một chủ đề, không nên nêu nhiều ý như trong dự thảo. Cần làm rõ mục tiêu để thúc đẩy công nghiệp dịch vụ hay tăng kim ngạch xuất khẩu, hoặc là mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao. Nên đưa ra mục tiêu: "*Tăng cường thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển công nghiệp dịch vụ để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững*". Sau đó mới đến mục tiêu tổng cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng GDP cao (trên 10%) và bền vững
- Cơ cấu kinh tế phát triển theo hướng tích cực
- Tích cực hội nhập sâu rộng để thu hút vốn FDI và đầu tư trong nước

Sau đó đưa ra được các chỉ tiêu chính như:

- Tốc độ tăng trưởng
- Tỷ lệ cơ cấu kinh tế
- Số tiền cần thu hút đầu tư (trong đó vốn FDI là bao nhiêu, vốn trong nước là bao nhiêu)
- Số lao động cần sử dụng…

Tuy nhiên trong dự thảo Kế hoạch chưa nêu lên được các nội dung trên, phần mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể còn chưa rõ.

2.3 Định hướng đầu tư

Mặc dù dự thảo Kế hoạch đã đưa ra được các ngành, lĩnh vực tập trung đầu tư, nhưng cần phải có cơ sở khoa học để chứng minh được các ngành, lĩnh vực đó là lợi thế của tỉnh. Tránh tình trạng việc đưa ra các ngành, lĩnh vực thiếu sự phân tích tiềm năng, đặc điểm, yêu cầu của ngành, khả năng thích ứng của tỉnh ta cũng như cơ hội, thách thức. Nếu làm được như vậy chắc chắn tỉnh ta sẽ đưa ra được danh mục các ngành và lĩnh vực đầu tư cần thu hút đầu tư hiện thực và khả thi.

2.4 Nhiệm vụ và giải pháp

Dự thảo Kế hoạch đưa ra nhiệm vụ, giải pháp gần như nội dung trong Chương trình đẩy mạnh thu hút đầu tư và phát triển công nghiệp - dịch vụ. Cần thiết đưa ra các giải pháp cụ thể để thực hiện Kế hoạch. Cần thiết xem lại giải pháp giao cho các ngành xây dựng các chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực để phục vụ Kế hoạch này mà nên nêu cụ thể các ngành cần phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức triển khai, như vậy tính khả thi cao hơn.

3. Kiến nghị:

Để Kế hoạch thực sự khả thi, Hội đồng phản biện kiến nghị một số nội dung sau:

1. Về tên của văn bản: Đề nghị bỏ từ "*tổng thể*", chỉ cần ghi " Kế hoạch xúc tiến đầu tư tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011 - 2015" là bao hàm đủ ý nghĩa.

2. Đề nghị trong Kế hoạch bổ sung một nội dung: giải thích từ ngữ để dễ hiểu và hiểu đúng: Thế nào là *đầu tư*, thế nào là *xúc tiến* và thế nào là *xúc tiến đầu tư*, bởi vì:

Phạm vi xúc tiến đầu tư theo đúng nghĩa là kế hoạch TỔNG THỂ thì phải bổ sung ít nhất hai nội dung cần xúc tiến, đó là, ***thứ nhất*** *xúc tiến đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp của tỉnh*. Vì cộng đồng các doanh nghiệp được thành lập ở tỉnh nếu được quan tâm đúng mức sẽ là bộ phận đóng góp vốn đầu tư cho địa phương, cho ngân sách, giải quyết việc làm lớn nhất, thiết thực và bền vững nhất. Từ năm 2006 đến 2010 có trên 2000 doanh nghiệp được thành lập đã có vốn trên 10 000 tỷ đồng, gần bằng số vốn đầu tư đã được thực hiện trong 5 năm qua (theo báo cáo là 11.000 nghìn tỷ đồng).

Đề nghị UBND tỉnh có cơ chế chính sách khuyến khích thành lập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Nếu có cơ chế, chính sách hợp lý sẽ tạo điều kiện để số lượng doanh nghiệp ở Bắc Giang bằng bình quân cả nước: 1.600.000 người dân/2.570DN = 622 người dân/DN, trong khi của cả nước: 82.000.000 người/436.000DN = 188 người/DN thì số doanh nghiệp ở Bắc Giang sẽ là 1.600 000 người/188người/DN = 8.500 doanh nghiệp. Như vậy Bắc Giang sẽ phải có thêm 6000 doanh nghiệp với số vốn bình quân từ 4 - 6 tỷ/DN thì đã huy động được 30.000 tỷ, nếu giữ nhịp độ phát triển như những năm qua: 20%/năm thì 5 năm tới Bắc Giang có thêm 6000 doanh nghiệp, như vậy đã thu hút được gần 1/2 nhu cầu vốn đầu tư 5 năm tiếp theo (80.000 tỷ đồng). Do vậy trong Kế hoạch nên bổ sung kênh xúc tiến đầu tư trên lĩnh vực xúc tiến đẩy mạnh thành lập doanh nghiệp ở tỉnh ta. ***Thứ hai***, *kênh đầu tư gián tiếp* cũng đã được đề cập trong dự thảo Kế hoạch, nhưng chưa được cụ thể hoá. Kênh này được hình thành từ ba nguồn sau:

- Đề nghị tỉnh cần có cơ chế để thu hút các ngân hàng mở chi nhánh tại Bắc Giang để tăng nguồn tín dụng. Hiện nay Bắc Giang mới có chưa đầy 10 ngân hàng thương mại đang hoạt động với tổng dư nợ khoảng trên 10.000 tỷ đồng là quá nhỏ bé, mới đảm bảo khoảng 1/4 nhu cầu vốn vay của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh; số lượng doanh nghiệp được vay khoảng 600 - 700/2.500 doanh nghiệp, đạt tỷ lệ khoảng 1/3

Khuyến khích các tổ chức, các quỹ tài chính quốc tế, các ngân hàng thương mại các nước đặt chi nhánh hoạt động tại Bắc Giang để tăng nguồn lực đầu tư phát triển theo cam kết của Việt Nam khi tham gia WTO. Bên cạnh đó khuyến khích các doanh nghiệp có đủ điều kiện lên sàn chứng khoán để thu hút vốn của thị trường chứng khoán mở rộng sản xuất kinh doanh.

Để thu hút đầu tư thực sự hiệu quả, đề nghị tỉnh cần đi sâu phân tích những hạn chế, tồn tại, nguyên nhân chủ quan, khách quan trong việc thu hút đầu tư chưa đạt kết quả như mong muốn (mới lấp đầy 14% khu công nghiệp), từ đó có giải pháp khắc phục.

Bên cạnh đó cũng cần đặt vấn đề là tại sao tỉnh ta có nhiều lợi thế rất căn bản như vị trí địa lý thuận lợi, lao động trẻ, đông, đất đai trong khu, cụm công nghiệp khá tốt mà các nhà đầu tư chưa quan tâm nhiều.

Để trả lời câu hỏi đó, Hội đồng phản biện đưa ra một số nội dung sau:

- Môi trường kinh doanh của tỉnh thực sự chưa tốt vì những lý do: mục đích của đầu tư là để sản xuất kinh doanh lâu dài nhằm tạo ra nhiều nhất lợi nhuận cho nhà đầu tư. Do vậy khi đến địa phương doanh nghiệp quan tâm đến cơ hội và môi trường đầu tư, tuy nhiên cái mà các nhà đầu tư quan tâm hơn, tìm hiểu kỹ hơn là môi trường kinh doanh, bởi vì môi trường đầu tư chỉ tạm thời trong thời hạn ngắn khoảng 2 đến 3 năm, trong khi đó môi trường kinh doanh đi theo dự án 50 đến 100 năm, nó quyết định mục tiêu cuối cùng có tối ưu hoá lợi nhuận hay không cho nhà đầu tư. Bắc Giang có môi trường đầu tư đã được cải thiện khá, thậm chí có lúc trên mức của Chính phủ quy định, nhưng môi trường kinh doanh thì chưa được chú ý nhiều, thể hiện trên một số mặt sau:

- Tỷ lệ đô thị hoá quá thấp (9%) so với cả nước (29%), mà đô thị có chức năng cung cấp các hạ tầng và môi trường cần thiết cho sản xuất kinh doanh như: văn phòng cho giao dịch, bệnh viện, trường học, cửa hàng tiêu thụ, nơi ở cho người lao động, đồng thời sức mua của người dân đô thị lớn hơn sức mua người dân ở nông thôn. Trên thế giới các quốc gia công nghiệp là những quốc gia có tỷ lệ đô thị hoá cao, từ 80 đến 90% - đô thị. Đô thị thực sự là động lực phát triển kinh tế - xã hội. Thành phố Bắc Giang có diện tích nhỏ nhất trong các đô thị loại ba so với cả nước, trong khi đó có khoảng 60 đến 70% các tuyến đường trong thành phố cấm đỗ xe các loại; khoảng 40% tuyến đường phố cấm xe có trọng tải từ 1,25 tấn trở lên lưu hành. Đô thị là thị trường lớn mà cấm đỗ xe thì các văn phòng, các của hàng mua bán rất khó hoạt động. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu có cơ chế thích hợp để tạo môi trường kinh doanh thích hợp, hiệu quả, có như vậy mới thu hút được đầu tư.

- Cần tạo môi trường thân thiện với các doanh nghiệp, đồng hành, lắng nghe ý kiến và giải quyết vướng mắc của doanh nghiệp, có như vậy mới thu hút được đầu tư cả trong và ngoài nước.

KHÔNG CẦN BAN HÀNH CHÍNH SÁCH THU HÚT ĐẦU TƯ. CÁC DOANH NGHIỆP CHỈ CẦN XEM NHÀ QUẢN LÝ ỨNG XỬ THẾ NÀO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP ĐÃ ĐẦU TƯ THÌ HỌ SẼ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ HAY KHÔNG

Trên đây là kết quả phản biện Kế hoạch xúc tiến đầu tư của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011 - 2015. Liên hiệp hội trân trọng báo cáo./.

***Nơi nhận*:**
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các phó CT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ;
- Các sở: Công thương, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, CT

TM. THƯỜNG TRỰC LIÊN HIỆP HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Kiên